

Suy diễn và gán hiện tượng thành bản chất là tà kiến

ISSN: 2734-9195 15:47 26/02/2026

Một nhà tu hành sử dụng vật dụng đắt tiền không có nghĩa nhà tu hành đó tha hóa về mặt đạo đức. Và một người đi chân đất, ngủ trên cây không đồng nghĩa là bậc chân tu.

Dẫn nhập

Thứ mà chúng ta thấy, liệu có thật là sự thật?

Nếu cái ta thấy đồng nghĩa đó là sự thật, thì tại sao cùng một sự kiện, có người tung hô như biểu tượng của công lý, kẻ khác lại chà đạp như một điều đáng nguyên rủa? Nếu một thứ mà ta thấy, có thể là lời phán quyết cho sự thật thì tại sao “khái niệm chân lý” lại bị phân nhánh thành nhiều tôn giáo đến như thế?

Tại sao cùng là “người tu” trong một tôn giáo, lại có người hành độc cư, lại có người làm hành trì chú? Nếu đã là sự thật thì không được khác nhau, như cái lá chết hoàn toàn, thì nó phải rụng.

Chiếc lá ở phương Tây chết cũng rụng, chiếc lá ở phương Đông chết cũng rụng, không được khác nhau. Đó mới là sự thật.

Vậy thì điều mà ta thấy, khác với điều người khác thấy, chắc chắn chưa phải sự thật.

Cái nhìn của con người thực chất chỉ là một lát cắt mỏng trên bề mặt của thực tại. Ta tiếp xúc với hiện tượng, những biểu hiện bên ngoài, hoặc đột xuất lọt vào tầm nhìn của ta, rồi dựa trên suy tư cá nhân, niềm tin,... để diễn giải nó, cá nhân hoá hiện tượng bằng bản ngã để biến nó thành “cái tôi thấy”. Cái tôi thấy từ hiện tượng bị mặc định là bản chất, rằng điều mình thấy chính là toàn thể. Khi đã đồng nhất hiện tượng với bản chất, ta không còn thấy sự đa chiều của sự vật, mà chỉ bảo vệ góc nhìn của mình như bảo vệ một chân lý tuyệt đối.

Phần I. Hiện tượng khác với bản chất

Nếu chúng ta để nước sôi đổ vào da thịt, da thịt chúng ta sẽ bị bỏng rát, bị huỷ hoại. Vậy chúng ta có thể nói rằng bản chất của nước là làm da thịt bị bỏng không? Không, mà đúng phải là “nước sôi” làm da bỏng. Nước sôi làm da bỏng rát là hiện tượng, nhưng bản chất của nước thì không phải là sôi, không phải là làm cho da bỏng rát. Bản chất của nước là các cấu trúc phân tử liên kết với nhau trong điều kiện phù hợp, và cũng nhờ sự thay đổi điều kiện mà tạo ra “nước sôi”. Như vậy nếu ta gán rằng nước có bản chất là làm da bỏng rát tức là ta đang làm sai lệch tính chất của nước, nếu ta mặc định nước sôi làm da bỏng rát là thứ đáng nguyên rủa thì ra lại bị kẹt vào hiện tượng đó để bóp méo đi những thứ cần thiết của việc đun nước sôi. Nếu ta nhìn hiện tượng bỏng rát mà kết luận “nước có bản chất gây tổn hại”, thì ta đã nhầm lẫn giữa trạng thái tạm thời và bản tính nền tảng. Nhận thức sai lầm ấy xuất phát từ việc tư duy dừng lại ở hiện tượng trực tiếp lên giác quan, thay vì truy tìm cơ chế sâu hơn phía sau.

Sự hình thành “cái thấy”

Thực chất, tất cả những thứ mà chúng ta nhìn thấy, chỉ đều là hiện tượng, là sự hội tụ nhân duyên tạo nên thứ tiếp xúc với con mắt của chúng ta, tạo ra “hiện tượng” đó. Từ sự tương tác giữa đặc tính vật lý của vật, phản xạ ánh sáng ở bước sóng nhất định, ánh sáng môi trường, cấu trúc cảm quang trong mắt của từng cá nhân, cảm xúc nhất thời, kinh nghiệm cá nhân, cái tôi được nuôi dưỡng,... tất cả đều hội tụ lại tạo ra cái hiện tượng ta đang thấy. Nó không hề đại diện cụ thể cho một điều gì mà ta định gán ghép.

Cái thấy của tinh thần trung đạo là cái thấy trung thực về duyên khởi.

Phần II. Trích trong Kinh Tương ưng bộ, Chương Tám: Tương ưng thôn trưởng, bài XII, XIII

“Một thời Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Koliya, tại thị trấn của dân chúng Koliya tên là Uttara. Rồi thôn trưởng Pàtaliya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, thôn trưởng Pàtaliya bạch Thế Tôn: - Con được nghe rằng, bạch Thế Tôn, Sa-môn Gotama biết huyền thuật. Bạch Thế Tôn, những ai nói rằng Sa-môn Gotama biết huyền thuật; những người ấy, bạch Thế Tôn, có nói đúng với lời Thế Tôn hay không? Họ không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, họ trả lời đúng pháp, tùy pháp? Và những ai nói lời tương ứng đúng pháp không có lý do gì để chỉ trích. Bạch Thế Tôn, chúng con không

muốn chống báng Thế Tôn.

- Những ai nói rằng, này Thôn trưởng, Sa-môn Gotama biết huyền thuật, những người ấy nói đúng lời nói của Ta. Họ không xuyên tạc Ta với điều không thật. Họ nói lời đúng pháp, tùy pháp. Và những ai nói lời tương ứng đúng pháp không có lý do để chỉ trích.

Như vậy là đúng sự thật, bạch Thế Tôn tuy rằng con không tin các vị Sa-môn, Bà-La-Môn ấy, nói rằng Sa-môn Gotama biết huyền thuật. Như vậy, bạch Thế Tôn, cuối cùng Sa-môn Gotama là người sống theo huyền thuật.

- Ai nói rằng: "Nhu Lai biết huyền thuật" người ấy có nói rằng Nhu Lai là người sống theo huyền thuật, nói rằng như vậy là Thế Tôn, như vậy là Thiện Thệ? Vậy này Thôn trưởng, về vấn đề này Ta sẽ hỏi Ông. Nếu có thể kham nhẫn, Ông có thể trả lời.

Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Ông có biết, này Thôn trưởng, các người làm thuê của dân chúng Kosala có búi tóc thông xuống? - Con có biết, bạch Thế Tôn, các người làm thuê của dân chúng Kosala có búi tóc thông xuống.

Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Ông có biết những người làm thuê có búi tóc thông xuống của dân chúng Kosala là những người trì giới hay là những người ác giới? - Con được biết, bạch Thế Tôn, những người làm thuê có búi tóc thông xuống của dân chúng Kosala là những người ác giới, theo ác pháp. Nếu có những người theo ác giới, theo ác pháp ở đời, chính là những người làm thuê có búi tóc thông xuống của dân chúng Kosala, không có ai khác.

Này Thôn trưởng, nếu có ai nói rằng: "Thôn trưởng Pàlaliya biết được các người làm thuê có búi tóc thông xuống của dân chúng Kosala là người ác giới, theo ác pháp, thời thôn trưởng Pataliya cũng là người theo ác giới, theo ác pháp" người nói như vậy có nói một cách chân chính không? - Thừa không, bạch Thế Tôn. Những người làm thuê có búi tóc thông xuống của các dân chúng Kosala là khác. Còn con là khác. Tự tính của những người làm thuê có búi tóc thông xuống của dân chúng Kosala là khác. Tự tính của con là khác.

Này Thôn trưởng, Ông sẽ được tiếng như sau: "Thôn trưởng Pataliya biết rằng, các người làm thuê có búi tóc thông xuống của dân chúng Kosala là những người ác giới, theo ác pháp. Nhưng thôn trưởng Pataliya không phải là người có ác giới, theo ác pháp". Như vậy, tại sao Nhu Lai lại không được tiếng rằng Nhu Lai là người biết huyền thuật, nhưng Nhu Lai không phải là người sống theo huyền thuật? Này Thôn trưởng, Ta rõ biết huyền thuật và quả dị thực của huyền thuật. Và thực hành như thế nào mà một người làm huyền thuật, sau khi thân

hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ta rõ biết như vậy.”

Con người thường kết luận quá nhanh. Chỉ cần một lời đồn, một hình ảnh, một dấu hiệu bên ngoài, ta đã tin rằng mình hiểu bản chất của một con người hay một vấn đề. Đó là cơ chế quen thuộc của nhận thức, từ cái thấy trực tiếp, ta đi thẳng đến phán quyết cuối cùng. Tuy nhiên, nếu khảo sát kỹ những bản kinh đối thoại, đặc biệt là đoạn kinh liên quan đến thôn trưởng Pāṭaliya và đức Thế Tôn, ta sẽ thấy một chỉ dẫn rất tinh tế: đừng gán bản chất dựa trên hiện tượng ta thấy, dù là bất kì ai hay thứ ta thấy là gì.

Đoạn kinh này không đơn thuần là một cuộc trò chuyện về “huyễn thuật”. Nó là một bài học về phương pháp nhận thức, về cách con người đánh tráo tăng nghĩa, và về sự nguy hiểm của việc đồng nhất biểu hiện với bản tính thông qua tự ngã.



Ảnh minh họa (st)

1. Từ “biết” đến “là”

Thôn trưởng Pāṭaliya nghe rằng Sa-môn Gotama “biết huyễn thuật”. Từ đó, ông suy diễn rằng Sa-môn Gotama “sống theo huyễn thuật”, hay nói cách khác, bản chất của Ngài là một người hành nghề huyễn thuật. Ở đây xuất hiện một bước nhảy quan trọng từ “biết” sang “là”.

“Biết” thuộc về nhận biết đơn thuần. “Là” thuộc về bản chất.

Hai tầng này hoàn toàn khác nhau. Một người am hiểu ngọn ngành về tiền bạc không có nghĩa người đấy là kẻ lợi dụng, thao túng đồng tiền. Một kẻ có thể

thao thao nói về mưu lược không chắc gì kẻ đó là một người mưu mô. Một nhà tu hành sử dụng vật dụng đắt tiền không có nghĩa nhà tu hành đó tha hóa về mặt đạo đức. Và một người đi chân đất, ngủ trên cây không đồng nghĩa là bậc chân tu.

Nhưng nhận thức thông thường không phân biệt tinh tế như vậy. Từ một biểu hiện, ta suy thành toàn thể con người. Đức Thế Tôn không chấp nhận việc từ sự biết ấy suy ra bản chất sống. Ngài chỉ ra rằng thôn trưởng đã thực hiện một phép đồng nhất sai lầm: biến điều được nghe thành chân tướng của một con người.

2. Dấu hiệu không phải bản chất

Để khai mở sự nhầm lẫn đó, đức Thế Tôn đưa ra ví dụ về dấu hiệu bên ngoài của một hạng người trong xã hội Ấn Độ cổ xưa. Những đặc điểm như búi tóc, trang phục hay dáng vẻ có thể thường đi kèm với một lối sống cụ thể. Nhưng không phải bất cứ ai mang đặc điểm ấy đều có cùng phẩm hạnh. Ở đây, điểm trọng tâm không nằm ở hình thức văn hoá, mà ở cấu trúc luận lý một dấu hiệu có thể liên hệ với một nhóm. Nhưng dấu hiệu không đồng nghĩa với bản chất đạo đức.

Nếu ta thấy một người mặc y phục tôn giáo, ta có thể liên tưởng đến đời sống phạm hạnh. Nhưng y phục chỉ là hiện tượng; phẩm hạnh mới là nội dung bên trong. Khi ta không sống cùng họ, không chứng kiến, không sinh hoạt, không thẩm sát đạo đức, chuyên môn hay kiến thức họ, liệu có quá sớm để kết luận họ như thế nào thông qua lớp áo tu. Nếu ta thấy một người có quá khứ lỗi lầm, ta có thể nghĩ đó là bản chất của họ. Nhưng quá khứ chỉ là một chuỗi hiện tượng; bản chất của nhân cách là quá trình sống, tu tập hoặc không và chuyển hoá thành công hoặc thất bại. Nhận thức sai lầm phát sinh khi ta gán dấu hiệu bên ngoài với bản tính cố định. Điều này không chỉ diễn ra trong tôn giáo, mà diễn ra trong mọi tầng đời sống: chính trị, xã hội, gia đình.

3. Không gán bản chất qua hiện tượng

Trong chiều sâu giáo pháp, việc không gán bản chất cho hiện tượng còn liên hệ đến tuệ quán. Thấy một cảm thọ khổ không đồng nghĩa bản chất đời sống là bất hạnh. Thấy một cảm xúc sân không đồng nghĩa bản chất con người là xấu ác. Thấy một ý niệm xuất hiện không đồng nghĩa cái tôi là thực thể cố định. Mọi thứ xuất hiện đều có điều kiện. Khi điều kiện đổi, hiện tượng đổi. Do đó, việc gán bản chất cố định cho một biểu hiện tạm thời là trái với tính duyên khởi. Đoạn kinh, đọc ở chiều sâu ấy, nhắc ta rằng phải phân biệt giữa cái xuất hiện

và cấu trúc vận hành phía sau nó.

Phần III. Thấy biết như thật là thấy biết duyên sinh hợp tan

Thấy biết như thật, nếu không đi cùng cái thấy của duyên sinh hợp tan, thì có thể bị ngộ nhận như một hình thức xác quyết thế giới quan chủ quan. Ở đó, người ta tưởng mình đang thấy đúng, nhưng kỳ thực chỉ đang củng cố các kết luận cảm tính vốn là sản phẩm của kinh nghiệm, cảm thọ và tập khí.

Thấy biết như thật là thấy rằng tất cả những gì đang xảy ra, bao gồm cả chính ý nghĩ “tôi đang thấy như thật”, đều là kết quả của sự kết hợp nhân duyên. Không có cái gì trong đời sống lại đứng độc lập, tự có, hay bất biến kể cả cái nhìn của chúng ta vốn tưởng là trung tính cũng không nằm ngoài dòng chảy của điều kiện sinh khởi phụ thuộc nghiệp lực. Vì lẽ đó mà cái thấy nên thấy theo duyên sinh và không đưa vào ý kiến kết luận. Sự kiện mà ta gọi là “đang thấy” thực chất là sự vận hành của căn (mắt), trần (sắc), thức (nhãn thức), xúc, thọ, và tiếp đó là những phản ứng chuỗi: tưởng, tư, ái, thủ, hữu.

Nếu không thấy như thật các tầng lớp này, thì ta sẽ rất dễ rơi vào cái bẫy quen thuộc: tin rằng có một cái “ta” đang thấy “sự thật”. Mà kỳ thực, cả “ta” lẫn “sự thật” ấy đều không đứng ngoài duyên sinh.

Điều này có ảnh hưởng gì tới đời sống?

Chính là khả năng kiến tạo nên tà kiến, tà tư duy và chấp ngã. Khi ta không thấy như thật tính chất hợp tan của mọi thứ, ta sẽ mặc nhiên cho rằng vấn đề đó “chắc chắn là như thế”, cảm xúc đó “chắc chắn là của tôi”. Chính tri kiến về duyên sinh bị đánh mất, ta có thể ghi nhận cảnh thật như là, nhưng ta hoàn toàn có thể khóa cứng một bản ngã vọng tưởng trong mô thức phản ứng.

Khi ta thực sự thấy như thật tính chất duyên sinh của mọi hiện tượng, ta không còn bị cuốn vào những khái niệm tưởng chừng rất vững chắc như đúng - sai, tốt - xấu, đáng - không đáng. Cái thấy đó giúp ta trở nên khách quan, biết đồng cảm với quan điểm người khác. Vì ta biết rằng mỗi con người, mỗi hành vi, mỗi quan điểm đều là kết quả của một chuỗi nguyên nhân mà nguyên nhân đó cho ra kết quả phù hợp với từng cá thể khác nhau.

Điều này có nghĩa là gì?

Có nghĩa rằng hiện tượng mà ta thấy chỉ là một kết quả tương tác với mắt, với nhận thức cá nhân của ta. Kết quả đó được trôi chảy theo dòng nghiệp lực của vô vàn duyên sinh mà ta không thể thấy, không thể biết. Đã không thấy, đã không biết, đã không rõ ràng thì làm sao ta biết được rằng tư duy ta là đúng? Không ngọn ngành mọi thứ ta thấy, chính tư duy lấy gì làm điểm nương tựa?

Vật tự thân không mang giá trị đạo đức; hoàn cảnh không mang sẵn tội lỗi hay phước báu, hiện tượng không thể hiện bản chất vấn đề. Điều đáng suy tư nằm ở cách con người sử dụng, điều tiết, đón nhận những thứ được nhận như thế nào. Con dao không xấu. Chính ý định của người cầm nó mới quyết định hướng đi của hành vi. Cùng một con dao có thể cứu người trong phòng phẫu thuật, cũng có thể gây thương tích trong một hành vi bạo lực. Nếu ta kết luận rằng bản chất của con dao là tội ác, thì ta đã gán đạo đức cho một vật vô tri. Cái đáng nói không nằm ở sự tồn tại của công cụ, mà nằm ở mục đích sử dụng và trạng thái tâm của chủ thể sử dụng. Một ngôi chùa lớn không biểu tượng cho xa hoa. Chùa được xây lớn vì nhiều nguyên nhân thuộc về nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, tín ngưỡng quần chúng, khả năng tổ chức và an sinh xã hội,... của cúng dường nhiều không phản ánh xã hội giàu có hay người tu tham lam,... người sống trong chùa lớn, thọ hưởng vật phẩm cúng dường không đại diện cho sự suy đồi đạo đức,...

Điều cốt yếu là vật được sử dụng, người sử dụng, người thọ dụng, người tiếp nhận lợi lộc sẽ làm gì với những thứ đó, sẽ sống thế nào.

Kết luận

Thấy biết như thật duyên sinh hợp tan, ta bước ra khỏi định kiến. Thấy như thật tính duyên sinh, rốt cuộc là để sống buông xả nhiều hơn. Là để lắng nghe kỹ hơn, hiểu sâu hơn, thương được cả những thứ khó thương, và tha thứ được cả những điều từng không thể tha thứ.

Từ góc độ quy ước và cộng nghiệp xã hội, hành vi con người bị phán xét sẽ có sai lầm, bởi hiệu ứng xã hội của nó, bối cảnh thời cuộc. Chính cộng nghiệp ấy định hình nên những tình huống mà cùng một hành vi, có người bị đau khổ, có kẻ lại được sung sướng, có người tung hô, có kẻ phỉ báng. Phật không bác bỏ những hiện tượng đó, nhưng Ngài lên tiếng phản bác tà kiến, khi người ta dùng chính những hiện tượng ấy để xác định đúng sai, thiện ác.

Nhân quả trong tinh thần Phật giáo, không bị áp đặt, không vội vã quy chụp, toàn diện, bao trùm cả không gian và thời gian, vượt khỏi cảm tính và khỏi phán đoán của xã hội.

Phạm Tuấn Minh

Tài liệu:

1. Kinh Tương ưng bộ, Chương Tám: Tương ưng thôn trưởng, bài XII, XIII, Dịch giả: HT. Thích Minh Châu.
2. Tương ưng bộ kinh, Tập V: Đại phẩm, Chương 1: Tương ưng đạo, Phẩm I: Phẩm Vô Minh, Dịch giả: HT. Thích Minh Châu.
3. “Thấy biết như thật” là thấy thế nào? - Cư sĩ Phúc Quang, Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 09/2025.